

1107

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1909**/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **12** tháng **11** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...S.....
Ngày: 15/11/2021..

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (sau đây gọi là Chiến lược) gồm các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới, hiện đại và biến đổi kinh tế - xã hội, con người do tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng...

2. Xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa giữ vai trò nòng cốt.

3. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

4. Phát huy mọi nguồn lực phát triển để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nhân tố thúc đẩy phát triển con người Việt Nam trở thành trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển.

5. Chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, phát huy sức mạnh mềm văn hóa, góp phần quan trọng vào sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, tạo dựng môi trường hoà bình, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những tác động to lớn với kinh tế, xã hội và con người của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng...

b) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các đối tượng chính sách và yếu thế; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế.

d) Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, huy động nguồn lực để phát triển văn hóa, con người

2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

a) Phân đầu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

b) Phân đầu ít nhất 95% di tích quốc gia đặc biệt và khoảng 70% di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo; khoảng 70% số di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được xây dựng đề án, chương trình bảo vệ và phát huy giá trị. Có ít nhất 05 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh theo các Công ước của UNESCO.

c) Bảo đảm ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương;

d) Bảo đảm khoảng 85% các địa phương, cơ quan, đơn vị đạt được các danh hiệu văn hóa trong Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các phong trào thi đua, cuộc vận động về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Kế thừa và phát huy tinh hoa của văn hóa gia đình truyền thống, để xây dựng văn hóa gia đình hiện đại, văn minh.

đ) Hằng năm có từ 10 - 15 công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn hóa, nghệ thuật chất lượng được công bố; có 02 tác giả đạt giải thưởng văn học ASEAN và khoảng 20 - 30 tác phẩm, công trình văn hóa, văn học nghệ thuật về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước. Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu về văn hóa - nghệ thuật Việt Nam trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

e) Phân đầu tin học hóa 100% các đơn vị thực hiện hoạt động văn hóa, nhất là các đơn vị quản lý nhà nước về văn hóa - nghệ thuật, thực hành, trình diễn văn hóa nghệ thuật.

g) Phân đầu giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo đóng góp 7% GDP; mức tăng trưởng giá trị gia tăng hàng năm trung bình đạt 7%. Phân đầu có từ 01 đến 03 thành phố sáng tạo thuộc mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO ở các lĩnh vực thiết kế, ẩm thực, thủ công và nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thông nghe nhìn, điện ảnh, văn học, âm nhạc.

h) Phân đầu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển văn hóa

a) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về vị trí, vai trò, đóng góp của văn hóa trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; văn hóa thực sự “đứng ngang hàng với kinh tế, chính trị”. Định kỳ 5 năm tổ chức Hội nghị văn hóa toàn quốc.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Tăng cường, đa dạng hóa, đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động, nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục giá trị văn hoá, đạo đức, lối sống cho người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

c) Đầu tư phát triển các kênh thông tin đại chúng và truyền thông mới; nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về tiếp cận thông tin và hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của người dân.

d) Phát huy thành tựu khoa học, công nghệ gắn với chuyển đổi số trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật nhằm mở rộng khả năng tiếp cận, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng.

đ) Chú trọng công tác quản lý thông tin trên mạng Internet, mạng xã hội để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên. Xây dựng hệ thống giải pháp ngăn ngừa các ảnh hưởng, tác động tiêu cực của truyền thông đại chúng và truyền thông mới đến người dân.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lý

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hình thành khung khổ pháp lý, thể chế nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực cho văn hóa phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững.

b) Tập trung xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về: Điện ảnh, Tài trợ, Hiến tặng trong lĩnh vực văn hóa, Di sản văn hóa, Sở hữu trí tuệ, Phòng, chống bạo lực gia đình, Quảng cáo... Hoàn thiện, bổ sung các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan đáp ứng yêu cầu bảo hộ và thực thi quyền trong nước và hội nhập quốc tế; hoàn thiện các khung khổ pháp lý thúc đẩy phát triển văn hóa và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

c) Rà soát, ban hành chính sách, cơ chế khuyến khích, đãi ngộ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân và những tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn hoá, nghệ thuật, truyền dạy di sản trong cộng đồng, đồng thời phát triển sâu rộng hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, chấn chỉnh lề lối, siết chặt kỷ cương, đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ quản lý văn hóa hiệu quả; phân cấp cụ thể trách nhiệm quản lý về văn hóa cho các địa phương.

đ) Xây dựng Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững, làm cơ sở để đánh giá và đề xuất thể chế, chính sách, khuôn khổ pháp lý cho ngành văn hóa.

3. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

a) Từng bước hình thành các giá trị chuẩn mực góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, thích ứng với tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng..., nâng cao sức mạnh nội sinh nhằm khắc phục những hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức xã hội.

b) Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ thông qua các chương trình giáo dục trong nhà trường, các hoạt động xã hội và trên các phương tiện truyền thông.

c) Bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và cộng đồng thông qua các trung tâm văn hóa nghệ thuật cùng với các thiết chế văn hóa khác như bảo tàng, thư viện...

d) Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong từng lĩnh vực, ngành nghề của đời sống xã hội; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, biểu dương những tấm gương tốt, kịp thời phê phán những hành vi sai trái, tiêu cực; khen thưởng và xử phạt nghiêm minh.

4. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế

a) Chú trọng phát triển văn hóa đặc trưng trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, báo chí và truyền thông, tôn giáo và tín ngưỡng...

b) Xây dựng quy chế, nội quy, Bộ tiêu chí về môi trường văn hoá trong: gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, tổ chức xã hội..., nhằm hình thành các chuẩn mực về văn hoá đạo đức, hành vi ứng xử. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh trên môi trường mạng xã hội.

c) Khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Khuyến khích đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa có quy mô, giá trị nghệ thuật cao làm điểm nhấn ở các thành phố lớn, trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch lớn, gắn với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, yêu cầu hội nhập quốc tế.

d) Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Nêu cao vai trò, tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng trong việc thực hiện quy chế, chuẩn mực đạo đức, thực

sự là tấm gương sáng, là hạt nhân trong việc xây dựng môi trường văn hóa.

đ) Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng đời sống văn hóa, đẩy mạnh hơn nữa việc hạn chế, từng bước xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu. Xây dựng nếp sống văn hóa, tiến bộ, văn minh đô thị và nông thôn, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội; chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hành mê tín dị đoan, gây mất an ninh xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua về văn hóa.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

a) Nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam. Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân chủ động tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng, phát huy năng lực sáng tạo. Đổi mới các hoạt động văn hóa phù hợp sự phát triển của công nghệ thông tin và biến đổi xã hội, con người do tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng...

b) Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo điều kiện cho sự sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, lịch sử dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng 100 năm qua.

c) Tăng cường bảo vệ, phát huy đa dạng các biểu đạt văn hóa trong cộng đồng, chú trọng phát triển tài năng trẻ, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ bảo đảm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa.

d) Xây dựng, tổ chức hoạt động có hiệu quả phong trào văn hóa nghệ thuật tại địa phương; định kỳ tổ chức các ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc theo từng khu vực hoặc từng dân tộc; tổ chức đa dạng các chương trình văn hóa, nghệ thuật phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

đ) Chọn lọc và công bố những tác phẩm văn học, nghệ thuật trong và ngoài nước có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Chú trọng phát triển sách giấy và sách điện tử. Ngăn chặn, xử lý các hoạt động sáng tác, truyền bá tác phẩm văn học, nghệ thuật có tác động tiêu cực tới đời sống xã hội.

e) Tiếp tục thực hiện chính sách đặt hàng của Nhà nước đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật; thực hiện đầu tư theo chiều sâu để có tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng.

g) Tăng cường xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa cơ sở ngoài công lập.

6. Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc

a) Hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Tập trung đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch.

b) Nâng cao chất lượng công tác sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, phân loại di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể, nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, ưu tiên di sản văn hóa các dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

c) Kiến toàn, phát triển hệ thống bảo tàng, đổi mới nội dung và hình thức trưng bày, nâng cấp trang thiết bị và hệ thống trưng bày, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ. Đầu tư xây dựng một số bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng chuyên ngành cấp trung ương và địa phương; phát triển bảo tàng ảo. Xây dựng khung pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của bảo tàng tư nhân.

d) Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục di sản văn hóa trong và ngoài nhà trường bằng việc đa dạng hóa mô hình, phương thức, quy mô; tăng cường xã hội hóa hoạt động giáo dục di sản.

đ) Đổi mới và nâng cao hoạt động dã ngoại, tôn vinh nghệ nhân; tạo điều kiện cho nghệ nhân tham gia truyền dạy, quảng bá di sản trong cộng đồng ở trong nước và nước ngoài.

e) Thực hiện số hóa và lập bản đồ số di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu. Nâng cấp và khai thác có hiệu quả ngân hàng dữ liệu về di sản văn hóa của 54 dân tộc Việt Nam phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

7. Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa

a) Chú trọng hoàn thiện, đồng bộ cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa nhằm thúc đẩy đầu tư, sáng tạo, sản xuất, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

b) Có cơ chế ưu đãi, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế, tiềm năng như: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa...

c) Tăng cường khả năng tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ văn hóa của công chúng. Khuyến khích hình thành các quỹ quy mô vừa và nhỏ trong hoạt động sáng tạo công nghiệp văn hóa.

d) Nâng cao ý thức thực thi pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố, tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

đ) Phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa độc đáo; hình thành cơ chế phối hợp tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa; từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước, đạt tiêu chuẩn của các nước phát triển và tham gia sâu rộng vào chuỗi sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu.

e) Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa, một số sản phẩm văn hóa chủ lực, có tiềm năng, lợi thế, như: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, du lịch văn hóa...; thúc đẩy phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp văn hóa. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế, phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

8. Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa

a) Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc; hỗ trợ các địa phương có chung đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia tổ chức các chương trình giao lưu quảng bá, giới thiệu văn hóa địa phương với các nước bạn.

b) Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, trong đó ưu tiên các địa bàn trọng điểm: Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam.

c) Xây dựng Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại trong thời kỳ mới để hỗ trợ quảng bá văn hóa, các loại hình nghệ thuật đặc sắc của quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa của Việt Nam ra nước ngoài. Xây dựng và phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài.

d) Xây dựng Chiến lược ngoại giao văn hóa trong tình hình mới. Chủ động tham gia, thể hiện vai trò tích cực tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về

văn hóa, cử người làm việc và ứng cử tại các cơ quan chuyên môn của các tổ chức này. Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch quốc tế quy mô, uy tín. Hình thành đội ngũ tham tán văn hóa, tùy viên văn hóa tại các cơ quan đại diện ngoại giao và hệ thống Trung tâm Văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài.

đ) Tạo điều kiện thuận lợi để các nước, các tổ chức quốc tế, các cơ quan văn hóa, du lịch nước ngoài giới thiệu tiềm năng đất nước, văn hóa, con người với công chúng Việt Nam.

9. Tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật

a) Có chính sách đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, theo chuẩn quốc tế cho hệ thống các trường văn hóa, nghệ thuật; khuyến khích xã hội hóa và đa dạng hóa các loại hình đào tạo văn hóa, nghệ thuật;

b) Đổi mới phương thức đào tạo, hoàn chỉnh hệ thống chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành văn hóa, nghệ thuật. Nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục của các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, phù hợp bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Khuyến khích nghệ sĩ, nghệ nhân tham gia giảng dạy; thực hiện miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên, tăng phụ cấp giảng dạy, phụ cấp biểu diễn cho giảng viên, nghệ sĩ, nghệ nhân, nhất là các bộ môn nghệ thuật truyền thống, ngành hiếm, ngành khó tuyển sinh.

d) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành văn hóa; đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, chuyển đổi số. Đẩy mạnh thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc trong các thiết chế văn hóa như: Nhà hát, thư viện, bảo tàng, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp, đặc biệt là các thiết chế văn hóa ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Tăng cường giao lưu, trao đổi, đào tạo cán bộ, học sinh, sinh viên tại các cơ sở đào tạo uy tín về chuyên môn tại nước ngoài. Xã hội hóa hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho ngành văn hóa nghệ thuật.

10. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa

a) Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế phát triển văn hóa cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, quản lý văn hóa nghệ thuật, phục vụ nhiệm vụ hoạch định đường lối, chính sách, chiến lược phát triển ngành.

b) Phát triển hạ tầng công nghệ đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu của

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đầu tư xây dựng hệ thống thư viện công nghệ số cho các viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia; hệ thống dữ liệu thống kê của Ngành; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa nghệ thuật, bảo đảm kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa; ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

c) Tiếp tục đầu tư phát triển một số viện nghiên cứu, trường đại học về văn hóa, nghệ thuật theo mô hình tiên tiến thế giới để thực hiện nhiệm vụ tư vấn chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành văn hóa, thể thao và du lịch. Phấn đấu có viện hàn lâm văn hóa nghệ thuật ngang tầm viện nghiên cứu tiên tiến của các nước trong khu vực. Nâng cao chất lượng nghiên cứu và đào tạo khoa học quản lý văn hóa tại các viện nghiên cứu và các trường đại học về văn hóa, nghệ thuật.

d) Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học về văn hóa nghệ thuật với các tổ chức nghiên cứu khoa học nước ngoài; đẩy mạnh công bố quốc tế các công trình khoa học về văn hóa, nghệ thuật.

đ) Khuyến khích nghiên cứu khoa học về văn hóa nghệ thuật. Tiếp tục thực hiện chính sách tôn vinh, đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên gia đầu ngành về văn hóa nghệ thuật; huy động trí tuệ, tâm huyết của các nhà khoa học có kinh nghiệm tiếp tục nghiên cứu khoa học, tham gia đào tạo, hướng dẫn cán bộ trẻ.

11. Phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển trong lĩnh vực văn hóa

a) Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước chi cho văn hóa:

- Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước xem xét, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, đào tạo nguồn nhân lực, quảng bá văn hóa nghệ thuật, thương hiệu văn hóa quốc gia phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng vốn đầu tư phát triển của nhà nước hiệu quả.

- Tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm tôn tạo các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của Việt Nam; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị.

b) Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong bảo tồn, phát triển văn hóa nghệ thuật. Huy động nguồn lực xã hội hóa, nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác đầu tư cho các công trình, dự án ứng dụng, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ vào các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

c) Xây dựng cơ chế ưu đãi, miễn, giảm thuế, phí phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công tổ chức chức

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; đôn đốc các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Chiến lược này.

- Trực tiếp tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, tiếp tục triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, đề xuất hoặc kiến nghị các cơ quan liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế phối hợp liên ngành, các chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai, khuyến khích sáng tạo đối với văn nghệ sỹ, các tổ chức, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính xây dựng dữ liệu lớn (big data) về văn hóa nghệ thuật Việt Nam phục vụ công tác quản lý nhà nước, phổ biến, truyền bá, truyền dạy văn hóa Việt Nam.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai Chiến lược. Đánh giá rút kinh nghiệm công tác thực hiện Chiến lược vào năm 2025, để có bài học kinh nghiệm thực hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho giai đoạn 2026 - 2030 (nếu cần thiết).

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ ngành liên quan xây dựng môi trường văn hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là việc xây dựng và ban hành các chuẩn mực, quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa nội dung giáo dục về di sản văn hóa, tri thức nghệ thuật vào chương trình giáo dục của nhà trường các cấp;

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam để đưa vào nội dung học tập, giảng dạy trong nhà trường các cấp.

c) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng môi trường văn hóa trong lĩnh vực báo chí, truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phát huy tính hiệu quả của các phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thông mới, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ văn hóa;

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng các chương trình quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam ra thế giới và đưa tinh hoa văn hóa thế giới gần gũi với người dân Việt Nam;

- Quản lý truyền thông đại chúng, truyền thông mới bảo đảm phát huy tính tích cực, hạn chế tác động tiêu cực, phù hợp với tình hình thực tiễn.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng môi trường văn hóa trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cơ sở nghiên cứu thúc đẩy nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở trong và ngoài nước;

- Kết nối và thúc đẩy sự tham gia của các nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia hợp tác nghiên cứu, đào tạo về văn hoá nghệ thuật. Khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ trong các hoạt động văn hoá nghệ thuật.

đ) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí, hướng dẫn về văn hóa công vụ, văn hóa ứng xử trong các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ cho các văn nghệ sĩ, nghệ nhân tham gia hoạt động văn hóa nghệ thuật, đặc biệt là các loại hình nghệ thuật đặc thù.

e) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương liên quan bố trí ngân sách cho các hoạt động văn hóa trên cơ sở các đề án, chương trình, kế hoạch hàng năm của các cơ quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan; xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế - xã hội đầu tư cho hoạt động văn hoá.

g) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương có liên quan cân đối, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho phát triển văn hóa, thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù thúc đẩy phát triển văn hóa, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

h) Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Chiến lược ngoại giao văn hóa.

i) Các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Thông tin và Truyền thông căn cứ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung, có trách nhiệm rà soát, nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong giai đoạn tới (đối với các ngành thuộc lĩnh vực quản lý), trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

k) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng môi trường văn hóa trong lĩnh vực, ngành mình phụ trách; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược.

l) Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Hội Di sản Văn hóa Việt Nam, Hội Sử học Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức.

m) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm xây dựng, ban hành, bố trí nguồn lực để triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo đảm hiệu quả, thống nhất, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

n) Đề nghị Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tham gia tổ chức triển khai Chiến lược; thúc đẩy các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ về vị trí, vai trò, đóng góp, “sức mạnh mềm” của văn hóa trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Nguồn vốn thực hiện

a) Nguồn lực để thực hiện Chiến lược bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp và các nguồn hỗ trợ, tài trợ và huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Chiến lược để xây dựng dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

c) Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực xã hội (trong và ngoài nước) tham gia thực hiện Chiến lược theo quy định của pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao các bộ, ngành địa phương trong các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án khác có liên quan.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT, các Cục, Vụ;
- Lưu: VT, KGVX (3b). 160



Phụ lục.
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)



TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Các cơ quan Phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
I	CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030				
1	Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2022
2	Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030	Bộ Ngoại giao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2022
3	Chiến lược Văn hóa hóa đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2022
4	Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2022
5	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2022
6	Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
7	Đề án Phát triển văn học nghệ thuật góp phần nuôi dưỡng tâm hồn con người Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2022 - 2023

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Các cơ quan Phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
8	Đề án xây dựng Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2022 - 2025
9	Chương trình Xây dựng dữ liệu lớn (big data) về văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2022 - 2030
10	Đề án đầu tư quảng bá các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, tiêu biểu của Việt Nam và thế giới	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
11	Đề án thành lập Trung tâm văn hóa Việt Nam ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2030
III	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN DO CÁC BỘ PHÊ DUYỆT				
1	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn các tác phẩm văn hóa nghệ thuật trên môi trường mạng xã hội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	Bộ Thông tin truyền thông	Các Bộ, ngành liên quan	Bộ Thông tin truyền thông	2021 - 2030
2	Đề án Nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật trong các trường phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các Bộ, ngành liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021 - 2025
3	Đề án Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021 - 2025
4	Đề án xây dựng Dân nhạc dân tộc quốc gia Việt Nam góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021 - 2025
5	Đề án xây dựng một số chương trình nghệ thuật đỉnh cao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021 - 2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Các cơ quan Phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
6	Đề án xây dựng đội ngũ cán bộ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2023
7	Đề án xây dựng Nhà hát nghệ thuật quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
8	Đề án xây dựng trường quay nội đăng cấp quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2025 - 2030
9	Dự án đầu tư nâng cấp Bảo tàng Lịch sử quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030
10	Dự án đầu tư nâng cấp Bảo tàng Hồ Chí Minh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030
11	Dự án đầu tư nâng cấp Bảo tàng Văn hoá Các dân tộc Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030